

Kh. a h c : L, p h c : 36CXD7 N L m h c : 2012-2013 n VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

STT	Mã S´	L, P SV	H' Vê TạN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHêIN						TBC	QUY TS: 30.00%	η IqM THI	QUY TS : 70.00%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671031456	36CXD7	Nguy, n Têh Anh	10/10/1994				8.9			8.9	2.7	7.8	5.5	8.1	
2	3671031305	36CXD7	Nguy, n Vên Bô	19/05/1994				3.7			3.7	1.1	4.4	3.1	4.2	
3	3671031458	36CXD7	Nguy, n Vên Bình	04/01/1994				9.4			9.4	2.8	7.9	5.5	8.4	
4	3671031512	36CXD7	Nguy, n Quang Công	16/09/1989				2.4			2.4	0.7	6.5	4.6	5.3	
5	3671031584	36CXD7	η, Thanh C,	31/05/1994				2.6			2.6	0.8	7.0	4.9	5.7	
6	3671031454	36CXD7	Trêh Quang Chung	30/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N' HPCT
7	3671031591	36CXD7	Nguy, n B³nh Danh	16/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N' HPCT
8	3671031489	36CXD7	η í p Vên Duy	05/10/1993				4.5			4.5	1.4	7.6	5.3	6.7	
9	3671031295	36CXD7	Bá Quang η ¨ng	04/03/1993				7.4			7.4	2.2	7.0	4.9	7.1	
10	3671031523	36CXD7	L° Vên η,	20/11/1994				4.6			4.6	1.4	4.2	2.9	4.3	
11	3671031301	36CXD7	Ho¨ng Vên η, c	21/09/1994				5.5			5.5	1.7	6.3	4.4	6.1	
12	3671031549	36CXD7	Nguy, n η ðng HÏ	12/03/1993				4.0			4.0	1.2	5.9	4.1	5.3	
13	3671031514	36CXD7	Nguy, n Vên HÏ	02/06/1994				9.9			9.9	3.0	8.7	6.1	9.1	
14	3671031488	36CXD7	L° Vên Hđu	06/04/1993				7.4			7.4	2.2	6.9	4.8	7.1	
15	3671031550	36CXD7	Nguy, n C¹ ng Hi/Ju	12/09/1994				7.2			7.2	2.2	6.1	4.3	6.4	
16	3671031552	36CXD7	Trêh Minh Hi/Ju	13/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N' HPCT
17	3671031575	36CXD7	Hu8nh Quang Hi' p	02/10/1994				0.0			0.0	0.0	6.4	4.5	4.5	
18	3671031287	36CXD7	Nguy, n Nhđt Huy	09/11/1994				6.7			6.7	2.0	6.7	4.7	6.7	
19	3671031476	36CXD7	η, Têh Khang	11/02/1994				9.2			9.2	2.8	9.5	6.7	9.4	

Kh·a h̃ c :	L̃ p h̃ c : 36CXD7	Ñm h̃ c : 2012-2013	q̃ VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
H̃ nT :	H̃ c phFn : 122067200806 - VEk: thuđt x̃y d̃ ng	H̃ c k8 : HK02	

STT	Mã S´	L P SV	Hĩ Vê Tạ N	NGÀY SINH	ệ IqM THê NH PHẫN						TBC	QUY TS: 30.00%	ệ IqM THI	QUY TS : 70.00%	ệ IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671031505	36CXD7	Võ Bách Khoa	03/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N° HPCT
21	3671031279	36CXD7	Trợ Ng c Duy Kh	09/12/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
22	3671031567	36CXD7	Nguy n Thĩ	26/06/1994				8.9			8.9	2.7	9.5	6.7	9.3	
23	3671031544	36CXD7	Nguy n V	03/06/1994				6.8			6.8	2.0	6.7	4.7	6.7	
24	3671031563	36CXD7	Nguy n Th nh	06/01/1994				5.2			5.2	1.6	4.5	3.2	4.7	
25	3671031557	36CXD7	Phan Tĩ	14/04/1994				0.0			0.0	0.0	6.7	4.7	4.7	
26	3671031553	36CXD7	Võ Hùng	03/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N° HPCT
27	3671031510	36CXD7	L° Vĩn	22/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N° HPCT
28	3671031478	36CXD7	Phĩ Vĩn	22/06/1992				7.5			7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
29	3671031559	36CXD7	Trợ Thĩ Kim	09/04/1994				8.6			8.6	2.6	6.1	4.3	6.9	
30	3671031290	36CXD7	Trợ Anh	04/11/1993				8.1			8.1	2.4	6.8	4.8	7.2	
31	3671031543	36CXD7	Nguy n Tĩ	07/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N° HPCT
32	3671031513	36CXD7	Nguy n Th nh	04/10/1994				6.0			6.0	1.8	8.1	5.7	7.5	
33	3671031273	36CXD7	Phan Thanh	01/09/1994				9.4			9.4	2.8	8.1	5.7	8.5	
34	3671031497	36CXD7	Tĩ Anh	22/05/1994				6.7			6.7	2.0	7.0	4.9	6.9	
35	3671031471	36CXD7	Bĩ Vĩn	06/10/1993				3.3			3.3	1.0	3.8	2.7	3.7	
36	3671031464	36CXD7	L° Nhĩ c Vi	11/04/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
37	3671031278	36CXD7	Lê Phát	13/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
38	3671031291	36CXD7	Nguy n Thanh	07/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N° HPCT

Kh. a h c : **L p h c :** 36CXD7 **N l m h c :** 2012-2013 **n VHT :** 2
(30,0,0,0,0,0)
H n T : **H c ph n :** 122067200806 - V l k: thu t x y d ng **H c k8 :** HK02

STT	Mã S	L, P SV	H Vê TạN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30.00%	η IqM THI	QUY TS : 70.00%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671031468	36CXD7	Nguy, n η ³nh Shn	18/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
40	3671031495	36CXD7	Nguy, n ViJ Shn	26/06/1993				6.6			6.6	2.0	5.9	4.1	6.1	
41	3671031492	36CXD7	Trfh B³nh Tâm	02/09/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
42	3671031469	36CXD7	L° Nhđ Tân	13/07/1994				8.1			8.1	2.4	8.1	5.7	8.1	
43	3671031538	36CXD7	L° η. c Tfh	05/10/1994				2.1			2.1	0.6	6.7	4.7	5.3	
44	3671031590	36CXD7	Trfh ViJ TiJh	15/09/1994				7.5			7.5	2.3	7.9	5.5	7.8	
45	3671031280	36CXD7	η. Vln Toàn	05/12/1994				8.7			8.7	2.6	7.5	5.3	7.9	
46	3671031484	36CXD7	Nguy, n H. u Tufh	27/09/1994				4.2			4.2	1.3	6.9	4.8	6.1	
47	3671031504	36CXD7	Phfm η ³nh Tufh	19/04/1994				8.2			8.2	2.5	6.5	4.6	7.0	
48	3671031282	36CXD7	Nguy, n Vln Tùng	29/11/1993				8.9			8.9	2.7	8.5	6.0	8.6	
49	3671031526	36CXD7	Nguy, n B³nh Tri' u	13/07/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
50	3671031466	36CXD7	Nguy, n η. c Tr` ng	17/10/1993				6.6			6.6	2.0	5.1	3.6	5.6	
51	3671031498	36CXD7	L° Hf Vln	21/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
52	3671031300	36CXD7	Nguy, n Tr` ng Vf	10/09/1994				3.3			3.3	1.0	6.1	4.3	5.3	
53	3671031467	36CXD7	Nguy, n Thanh ViWh	21/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
54	3671031499	36CXD7	L° H` ng Vĩ	26/01/1994				7.7			7.7	2.3	4.4	3.1	5.4	

Tp.HCM, ngày / /

Gişo Vi^on B, M¹ n

Giáo V Khoa